TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CAO BẰNG** **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 114/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 10/8/2020
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO BẰNG - TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Quỳnh Mai

*Các Hội thẩm nhân dân:*1. Bà Nông Thị Duyên

2. Ông Nông Văn Vụ

- Thư ký phiên tòa: Bà Mã Thùy Dung - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng tham gia phiên tòa: Ông Lương Ngọc Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 55/2020/TLST - HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2020 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 137/2020/QĐST- HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Bế Linh C – sinh năm: 1991;

Địa chỉ: Tổ M (tổ N mới), phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Ông Nông Đức T – sinh năm: 1990.

Địa chỉ: Tổ N, phường T, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 27/4/2020, các lời khai trong quá trình hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn bà Bế Linh C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông T kết hôn ngày 14/01/2019, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, được tìm hiểu, tiến hành tổ chức lễ cưới ở cả hai bên gia đình, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố C, tỉnh Cao Bằng ngày 22/8/2019. Khi cưới, bà là điều dưỡng tại Bệnh viện y học cổ truyền Cao Bằng, còn ông T là nhân viên Công ty cổ phần thương mại tổng hợp Cao Bằng.

Từ sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Đỉnh điểm của mẫu thuẫn vợ chồng diễn ra vào ngày 20/6/2019 và ngày 08/3/2020. Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra do ông T không quan tâm đến gia đình. Ông T thường xuyên chơi điện tử thâu đêm tại nhà. Ngoài nguyên nhân trên mâu thuẫn vợ chồng còn xuất phát từ việc vợ chồng không thường xuyên sinh hoạt vợ chồng kể cả khi không có mâu thuẫn gì. Bà đã trao đổi với ông T về vấn đề này nhưng ông T không trả lời hoặc vin vào lý do tại bà nói nhiều. Bên cạnh đó, khi sống tại gia đình nhà chồng bà thấy không hợp trong cách sinh hoạt hàng ngày, đặc biệt là vấn đề ăn uống. Do vậy, bố mẹ ông T bảo vợ chồng bà ăn riêng nhưng bà không nhất trí vì trong một gia đình không thể diễn ra việc như vậy. Từ đó, bà đã bàn bạc với ông T về việc vợ chồng ra ở riêng nhưng ông T không nhất trí. Có lần do bà đi giao lưu với cơ quan về muộn, bà không có thái độ gì với bố mẹ chồng và đi lên phòng nghỉ. Tuy nhiên, ngay trong đêm đó, bố mẹ ông T đã thông báo cho bố mẹ bà về việc bà về muộn. Bà nhận thấy việc bố mẹ ông T thông báo việc bà về muộn với bố mẹ bà vào thời gian đó là không cần thiết và có thể nói vào một thời gian thích hợp hơn.

Từ những vấn đề đó dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Gia đình hai bên và tự bản thân hai vợ chồng đã hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Vợ chồng bà đã ly thân từ ngày 28/4/2020 cho đến nay. Trước khi về nhà mẹ đẻ sinh sống bà đã xin phép gia đình chồng. Bố mẹ chồng và bản thân ông T cũng không có ý kiến gì. Trong thời gian bà về nhà bố mẹ đẻ ông T không chủ động hòa giải và cũng không có ý đón bà về lại nhà chồng.

Tại buổi hòa giải ngày 23/6/2020 tại Tòa án ông T yêu cầu bà trả lại toàn bộ số tiền mừng cưới và vàng do bên nhà ông T cho trong ngày cưới. Ngay sau đó, bà đã mang toàn bộ tiền mừng cưới và vàng sang nhà gửi lại cho gia đình ông T. Ông T đã ký vào giấy xác nhận với sự chứng kiến của bố mẹ ông T. Và khi đó bố mẹ ông T nói với bà việc bà mang toàn bộ số tiền mừng cưới và vàng sang trả lại là đúng. Tại phiên tòa, bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, bà không thể quay trở lại sống chung với ông T vì không thể hòa hợp với gia đình chồng cũng như bản thân ông T và bà yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, hai vợ chồng không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung:

Về tài sản chung: Hai vợ chồng đã tự giải quyết xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Hai vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 23/6/2020, các lời khai trong quá trình hòa giải và tại phiên tòa bị đơn ông Nông Đức T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Điều kiện và thời gian kết hôn như bà C trình bày là chính xác, ông không bổ sung gì thêm.

Ông khẳng định trong thời gian chung sống hai vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn. Đỉnh điểm của mâu thuẫn là vào tháng 6/2019 và tháng 3/2020. Cả hai lần vợ chồng mâu thuẫn đều do bà C ham chơi, đi chơi thâu đêm, ông có gọi nhưng bà C không về. Trong cuộc sống hàng ngày, bà C là người sống rất thoải mái với những người khác, tuy nhiên với ông thì luôn xét nét. Ông xác định có việc thường xuyên chơi điện tử tại nhà nhưng không chơi thâu đêm như bà C trình bày. Việc sinh hoạt vợ chồng vẫn diễn ra bình thường trừ những lúc bà C đi trực hoặc hai vợ chồng cãi nhau. Theo ông bà C đưa ra lý do hai vợ chồng không sinh hoạt vợ chồng làm nguyên nhân để xin ly hôn. Ngoài việc bà C ham chơi, mâu thuẫn vợ chồng còn xuất phát từ việc bất đồng trong quản lý kinh tế bởi bà C nói với bạn bè ông không chu cấp về kinh tế cho gia đình.

Trong thời gian chung sống với gia đình nhà ông bà C không hợp với bố mẹ ông về cách sống và việc ăn uống. Ngày 08/3/2020, sau khi tham gia giao lưu bóng chuyền ở cơ quan khi thấy muộn ông gọi điện thoại giục bà C về nhưng bà C không về. Khi bà C về nhà bố mẹ ông có ý kiến, tuy nhiên bà C thể hiện thái độ không hài lòng và yêu cầu vợ chồng ra ở riêng nhưng ông không đồng ý. Trong quá trình hai vợ chồng mâu thuẫn không xảy ra xô xát mà chỉ cãi vã. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không đạt kết quả. Hiện nay, hai vợ chồng ông đã ly thân và bà C trở về sinh sống tại nhà mẹ đẻ. Khi đi bà C có xin phép gia đình ông và ông cũng không có ý kiến gì. Sau khi vợ chồng ly thân, ông chỉ thỉnh thoảng liên lạc với bà C nhưng không sang nhà thăm và nói chuyện. Ông không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Ông xác nhận việc bà C đã mang toàn bộ số tiền mừng cưới và vàng sang nhà gửi lại cho gia đình ông. Ông đã ký vào giấy xác nhận và có sự chứng kiến của bố mẹ ông.

Ông xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn và yêu cầu được đoàn tụ. Nếu bà Chi muốn ông sẽ thuyết phục bố mẹ để vợ chồng ra ở riêng.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung:

Về tài sản chung: Hai vợ chồng đã tự giải quyết xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Hai vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng trình bày: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục tố tụng dân sự, không có vi phạm trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Các đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm,

thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Bế Linh C được ly hôn với ông Nông Đức T.

Về con chung: Hai bên đương sự không có con chung nên không đặt ra vấn đề xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến trình bày của nguyên đơn, bị đơn, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về tố tụng: Bà Bế Linh C khởi kiện về việc "Ly hôn" với ông Nông Đức T trú tại Tổ N, phường T, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Bế Linh C kết hôn với ông Nông Đức T năm 2019, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, được tìm hiểu, tổ chức lễ cưới ở hai bên gia đình và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố C. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà Bế Linh C và ông Nông Đức T là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[3]. Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn:

Qua lời trình bày của hai bên đương sự Hội đồng xét xử xét thấy trong quá trình chung sống giữa bà C và ông T đã tồn tại mâu thuẫn và mâu thuẫn này xuất hiện ngay sau khi kết hôn một thời gian ngắn. Ông T mong muốn được quay lại đoàn tụ với bà C, tuy nhiên bản thân ông xác định bà C không hợp với phong cách sống của gia đình ông và bản thân ông không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại phiên tòa, hai bên đương sự cùng xác nhận việc đã trao trả lại toàn bộ số tiền mừng cưới và vàng được họ hàng nhà ông T tặng ngày cưới. Bên cạnh đó, bà C và ông T đã ly thân từ tháng 4/2020 đến nay.

Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà C và ông T chỉ tồn tại về mặt hình thức. Và bà C và ông T đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng được ghi nhận trong quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C cũng như quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4]. Về con chung: Trong quá trình chung sống hai bên đương sự xác nhận không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5]. Về tài sản chung, nợ chung:

Về tài sản chung: Các bên đương sự đã tự giải quyết xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Các bên đương sự xác nhận không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

[6]. Về án phí: Bà C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bế Linh C. Bà Bế Linh C được ly hôn với ông Nông Đức T.

[2]. Về con chung: Hai bên đương sự xác nhận không có con chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra vấn đề xem xét, giải quyết.

[3]. Về tài sản chung, nợ chung:

Về tài sản chung: Các bên đương sự đã tự giải quyết xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Các bên đương sự xác nhận không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra vấn đề xem xét, giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

[4]. Về án phí: Bà Bế Linh C phải chịu 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung công quỹ nhà nước. Bà Bế Linh C được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng theo biên lai số AA/2018/0000710 ngày 08/5/2020 tại Chi cục thi hành án dân

sự thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Bà Bế Linh C đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh CB;
- VKSND TPCB;
- THADS TPCB;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Quỳnh Mai